

Số: 155 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 17 tháng 11 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên ngày 14 tháng 11 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3968/TTr-CCBVMT ngày 16 tháng 11 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên, địa chỉ tại khu phố 2, thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên (giai đoạn 1) tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên (giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu phố 2, thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Mã số thuế: 3702275508.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh và điều trị ngoại trú,



nội trú.

1.5. Quyết định số 2896/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên.

1.6. Quyết định số 1182/QĐ-STNMT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên, quy mô 100 giường bệnh tại thửa đất số 630, tờ bản đồ số 7, xã Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Ban Quản lý dự án huyện Bắc Tân Uyên.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

1.7.1. Phạm vi:

- Tổng diện tích đất của Trung tâm là 24.900,8m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Đất công trình: Khối khám và điều trị ngoại trú – Khoa Dược 1.589,1m<sup>2</sup>; khối kỹ thuật và nghiệp vụ cận lâm sàng – Khoa Sản – Khoa Ngoại tổng hợp – Khoa Nội tổng hợp – Nhi 3.018,1m<sup>2</sup>; Khoa Nhiễm – Khoa Dinh dưỡng – Trung tâm Y tế dự phòng – Khoa Y học Cổ truyền – Khu hành chính bệnh viện – Hội trường 1.423,1m<sup>2</sup>; Khoa Giải phẫu bệnh lý 315,5m<sup>2</sup>; Khoa nhiễm khuẩn 340,8m<sup>2</sup>; Khu Kỹ thuật phụ trợ, hậu cần 97,2m<sup>2</sup>; Nhà điều hành khí y tế - bể nước ngầm phòng cháy chữa cháy 122,8m<sup>2</sup>; Nhà máy bơm – Nhà máy phát điện – Trạm biến áp 139,3m<sup>2</sup>; Nhà xe 43,12m<sup>2</sup>; Khu vực lưu chứa chất thải rắn 67,4m<sup>2</sup>; Công trình xử lý nước thải 88,2m<sup>2</sup>; Nhà xe khách 442,6m<sup>2</sup>; Nhà xe công chức – viên chức – nhân viên: 384m<sup>2</sup>; Cột cờ 25,4m<sup>2</sup>; Nhà thường trực 15m<sup>2</sup>;

+ Khối nhà khám bệnh truyền nhiễm: 1.008,6m<sup>2</sup>;

+ Đất giao thông – sân bãi: 7.835,3m<sup>2</sup>;

+ Đất cây xanh – đất dự trữ phát triển: 7.927m<sup>2</sup>.

1.7.2. Quy mô:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.7.3. Công suất: 60 giường bệnh (giai đoạn 1).

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.





trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường

2. Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, Khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày...tháng...năm 2023 đến ngày...tháng...năm 2033).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên tại khu phố 2 thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND tỉnh (báo cáo)
- UBND huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND thị trấn Tân Thành;
- Cổng Thông tin điện tử của STNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, M.Trung6.



**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**



## Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 155 /GPMT-STNMT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải y tế (phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, xét nghiệm của các khoa, phòng chuyên môn) với lưu lượng khoảng 6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải từ bể xí, âu tiêu với lưu lượng khoảng 21 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ lavabo, rửa sàn với lưu lượng khoảng 9 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Nguồn số 04: Nước thải từ căn tin với lưu lượng khoảng 22 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 05: Nước thải từ nhà giặt với lưu lượng khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Suối Bà Như, thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương sau đó chảy ra hồ Đá Bàn Suối Đá Bàn => Suối Sâu => Suối Vũng Gấm => Sông Đồng Nai.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Công thoát nước trên đường ĐH.411 (đã được Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên chấp thuận đấu nối tại Văn bản số 860/UBND-KTTH ngày 27 tháng 4 năm 2017).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 1233215; Y (m) = 619302 (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (trung bình 2,5 m<sup>3</sup>/giờ).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau khi xử lý => Công BTCT D220mm, dài 128m => Công BTCT D2.000mm, trên đường ĐH.411, dài 950m => Mương bê tông dài khoảng 135m, sâu khoảng 2m, rộng khoảng 3m => Mương đá hộc dài khoảng 74m, rộng khoảng 3m, sâu khoảng 2m => Suối Bà Như dài khoảng 1.300m, rộng khoảng 4m, sâu

khoảng 2m => Hồ Đá Bàn => Suối Đá Bàn => Suối Sâu => Suối Vững Gầm => Sông Đồng Nai.

- Hình thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột A, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	36		
3	COD	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2		
12	Tổng coliforms	MPN/100ml	3000		
13	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**



## 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải y tế (phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, xét nghiệm của các khoa, phòng chuyên môn) với lưu lượng khoảng  $6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  => Ống HDPE D168mm - D300mm => Công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Nước thải từ bể xí, âu tiêu với lưu lượng khoảng  $21 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  => Ống HDPE D168mm - D220mm => Bể tự hoại 03 ngăn => Ống HDPE D220mm - D300mm => Công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03: Nước thải từ lavabo, rửa sàn với lưu lượng khoảng  $9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  => Ống => Ống HDPE D168mm - D220mm => Ống HDPE D220mm - D300mm => Công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04: Nước thải từ căn tin với lưu lượng khoảng  $22 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  => Ống HDPE D168mm => Bể tách dầu, mỡ => Ống HDPE D220mm - D300mm => Công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05: Nước thải từ nhà giặt với lưu lượng khoảng  $2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  => Ống HDPE D168mm - D300mm => Công trình xử lý nước thải tập trung.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các nguồn => Bể thu gom => Bể tách rác => Bể điều hoà yếm khí => Bể sinh học thiếu khí => Bể sinh học hiếu khí (giả thể di động) => Bể lọc màng sinh học => Bể khử trùng => Hồ ga quan trắc => Cống BTCT D220mm, dài 128m => Cống BTCT D2.000mm trên đường ĐH.411 => Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế:  $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Hóa chất sử dụng: NaOH, Metanol, Chlorine.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành công trình theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.



- Khi công trình xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, sẽ tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (*bố trí máy dự phòng*) của bể MBBR khi có sự cố; chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể kỵ khí. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Dự kiến 03 tháng (*từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024*).

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Mẫu đầu vào của công trình xử lý nước thải (*tại bể gom*), tọa độ: X(m) = 1233183; Y(m) = 619418 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°*).

- Mẫu đầu ra sau công trình xử lý nước thải (*sau bể khử trùng*), tọa độ: X(m) = 1233180; Y(m) = 619406 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):**

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn điều chỉnh do Trung tâm y tế tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại Bể gom và 03 mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng trong 03 ngày liên tiếp*).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.



3.3. Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.4. Điểm quan trắc nước thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/20223/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban nhân dân tỉnh.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Trung tâm Y tế phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- + Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành công trình xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

- + Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, Trung tâm y tế đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

- + Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

- + Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu



cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.





## Phụ lục 2

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 155 /GPMT-STNMT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ bể thu gom, bể tách rác, bể điều hoà yếm khí, bể sinh học thiếu khí, bể MBBR, bể chứa bùn của công trình xử lý nước thải.

### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

#### 2.1. Vị trí xả khí thải:

- Tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh công trình xử lý nước thải

- Tọa độ vị trí xả khí thải:  $X(m) = 1233179$ ,  $Y(m) = 619411$  (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

#### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $360 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

##### 2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục (24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B,  $K_p = 1,0$ ,  $K_v = 1,0$  và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac và các hợp chất amoni	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	50	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	$\text{H}_2\text{S}$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	7,5		
3	$\text{CH}_3\text{SH}$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	15		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:



## **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về công trình xử lý:**

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh được thu bằng quạt hút ly tâm (*công suất 360 m<sup>3</sup>/giờ*) qua các đường ống dẫn (*lỗ thép PVC D200mm*) về Modul phản ứng khử mùi khí thải công nghệ đốt lạnh Ferroxid Catalyst để xử lý.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (*mùi hôi*) => Hệ thống ống dẫn (*PVC D90mm*) => Quạt hút (*lưu lượng 360 m<sup>3</sup>/giờ*) => Modul phản ứng khử mùi khí thải công nghệ đốt lạnh Ferroxid Catalyst (*buồng phản ứng: Kích thước DxH = 1000 x 1500mm*) => Ống phát thải (*ống uPVC D140mm, chiều cao 4m tính từ nền của công trình xử lý nước thải*).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: FeO catalyst, khối lượng 15kg/02năm, tần suất thay 02 năm/lần và khí Ozone (O<sub>3</sub>).

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra Modul phản ứng khử mùi khí thải, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (*dự kiến 03 tháng từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024*).

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:**

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: X(m) = 1233179; Y(m) = 619411 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>*).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: Mẫu đơn.



- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải).

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Trung tâm Y tế đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Điểm quan trắc khí thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành công trình xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.



**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 155 /GPMT-STNMT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực công trình xử lý nước thải (từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm).

- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng, công suất 938 kVA.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X (m) = 1233181, Y (m) = 619412.

- Nguồn số 02: Tọa độ: X (m) = 1233184, Y (m) = 619575.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

**3. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt

**3.2. Độ rung:**

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; tạo khoảng cách cách ly và trồng cây xanh trong khuôn viên trạm xử lý nước thải theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt

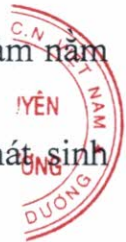


trong nhà điều hành công trình xử lý nước thải, máy phát điện lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.





## Phụ lục 4

# YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 155 /GPMT-STNMT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

## A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

#### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tại trạm y tế:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải	500	Bùn	12 06 05	KS
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	3.400	Rắn/Lỏng	13 01 01	NH
3	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	700	Lỏng	13 01 02	KS
4	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	300	Rắn/Lỏng	13 01 03	NH
5	Chất hàn răng almagam thải	10	Rắn	13 01 04	NH
6	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế, huyết áp kế)	20	Rắn	13 03 02	NH
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	12	Rắn	16 01 06	NH
8	Pin, ắc quy chì thải	15	Rắn	16 01 12	NH
9	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn led	12	Rắn	16 01 13	NH
10	Bao bì mềm (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	60	Rắn	18 01 01	KS
11	Bao bì kim loại (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	120	Rắn	18 01 02	KS
12	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải ra là chất thải nguy hại) thải	240	Rắn	18 01 03	KS

13	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại thải	7	Rắn	18 02 01	KS
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>		5.396			

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu, mỡ thải từ bể tách dầu, mỡ	12 06 11	803
1	Chất thải y tế không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	13 01 05	16.502
2	Hóa chất thải y tế không có thành phần nguy hại	13 01 06	7.821
3	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào ( <i>cytotoxic</i> và <i>cytostatic</i> ) thải	13 01 07	300
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>24.623</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Trung tâm Y tế khoảng 26.000 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

**2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải:**

- Trang bị 10 thùng chứa loại 7 lít, 06 thùng 12 lít, 24 thùng 15 lít, 8 hộp đựng kim tiêm có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại tại các phòng chức năng.

- Trang bị 04 thùng chứa loại 120 lít (*chứa chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm*) và 6 thùng chứa loại 120 lít (*chứa chất thải y tế nguy hại lây nhiễm*) có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại, bố trí tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

**2.1.2. Kho lưu chứa:**

- 01 Kho lưu chứa chất thải lây nhiễm diện tích 20,3m<sup>2</sup> (*đặt cạnh nhà xe của Trung tâm Y tế*).

- 01 Kho lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm diện tích 20,3m<sup>2</sup> (*đặt cạnh kho lưu chứa chất thải nguy hại lây nhiễm*).

- Thiết kế cấu tạo: Tường gạch, trần nhựa PVC, lắp điều hòa (*đối với kho lưu chứa chất thải lây nhiễm*), nền lát gạch nhám chống thấm, đảm bảo kín khí, không



bị thấm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; cửa khóa, biển cảnh báo (*kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm*); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô hoặc mùn cưa;...*) sử dụng trong trường hợp rò rỉ, tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có bảng hướng dẫn quy trình trình vận hành an toàn, quy trình ứng phó sự cố; bên ngoài có cửa khóa, có bảng tên, biển cảnh báo chất thải nguy hại.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:**

### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Trang bị 01 thùng loại 120 lít có nắp đậy kín để lưu chứa dầu mỡ thải.
- Trang bị 20 thùng chứa loại 15 lít, có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn để phân biệt loại chất thải tại các phòng chức năng.
- Trang bị 01 thùng loại 60 lít và 03 thùng loại 30 lít có nắp đậy kín bố trí tại kho lưu chứa chất thải y tế thông thường.

### **2.2.2 Kho lưu chứa:**

- 01 Kho lưu chứa chất thải y tế thông thường diện tích  $13,37m^2$  (*đặt cạnh kho lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm*).
- Thiết kế cấu tạo: Tường gạch, trần nhựa PVC, nền lát gạch nhám chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Trang bị 15 thùng chứa loại 7 lít, 05 thùng 25 lít, 10 thùng 80 lít có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn để phân biệt loại chất thải tại các phòng chức năng.
- Trang bị 09 thùng loại 120 lít có nắp đậy kín, lót túi bên trong, dán nhãn để phân biệt loại chất thải bố trí tại kho lưu chứa chất thải sinh hoạt.

### **2.3.2 Kho lưu chứa:**

- 01 Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích  $13,43m^2$  (*đặt cạnh kho lưu chứa chất thải y tế thông thường*).
- Thiết kế cấu tạo: Tường gạch, trần nhựa PVC, nền lát gạch nhám chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải.

## **2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải y tế nguy**



***hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt***

- Quản lý chất thải y tế theo đúng quy định về phân loại, thu gom, lưu giữ, khu vực lưu giữ chất thải theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và theo quy định tại Mục 3 của Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tại các khu vực phát sinh chất thải trong Trung tâm y tế bố trí các thùng chứa và bảng hướng dẫn cách phân loại, để hướng dẫn nhân viên y tế và bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh có thể thải bỏ vào các thùng chứa theo đúng quy định.

- Chất thải phát sinh trong Trung tâm y tế được phân loại ngay tại nguồn, tại văn phòng, các phòng chức năng. Trang bị bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa các loại chất thải (*dán nhãn theo từng loại*) và bố trí tại các vị trí phù hợp trong mỗi phòng, khu vực phát sinh; vận chuyển đến kho lưu chứa chung.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Các thiết bị, công trình, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Thành và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Bắc Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Thành về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Thành nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn



huyện Bắc Tân Uyên để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.



**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 155 /GPMT-STNMT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Mua sắm vật tư, hóa chất và đầu tư lắp đặt các máy móc, thiết bị còn thiếu đối với giai đoạn 2 – quy mô 40 giường nâng tổng quy mô của Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên lên 100 giường.

**B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của Trung tâm y tế.

3. Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải y tế hoặc tích hợp trong kế hoạch hoạt động chung hằng năm của Trung tâm y tế; bố trí kinh phí để thực hiện việc quản lý chất thải y tế.

4. Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải theo quy định của pháp luật (trong đó bao gồm cả phương án xử lý trong trường hợp lượng chất thải y tế nguy hại gia tăng bất thường do dịch bệnh hoặc lý do bất khả kháng).

5. Tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến cho viên chức, người lao động và các đối tượng có liên quan các quy định về quản lý chất thải y tế.

6. Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.





9. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.



*[Handwritten signature]*